

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán/quyết toán ngân sách năm 2022
của Văn phòng Sở Y tế Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Căn cứ Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh Vv quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán/quyết toán ngân sách năm 2022 của cơ quan Văn phòng Sở Y tế (theo các biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Kế toán Văn phòng và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở tài chính QN;
- Như Điều 3 (t/hiện)
- Trang web Sở Y tế (c/khai);
- Lưu: VT, KHTC5.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Hưng

Đơn vị: Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
 NĂM 2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2022	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	864	1.467		
1	Số thu phí, lệ phí (thảm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế)	864	1.467	170%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	655	1.122,1	171%	
2.1	Chi quản lý hành chính	655	1.122,1		
a	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	393	535,5		
b	Kinh phí trích để lại nguồn cải cách tiền lương	262	586,7		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	209	344,6	165%	
3.1	Phí thảm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	209	344,6		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.576	10.102	96%	
1	Chi quản lý hành chính	7.673	7.293	95%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.010	6.010,0	100%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.663	1.283,0	77%	
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.701,5	2.607,0		
3.1	Kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 (Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình) năm 2022	60,5	60,0	99,2%	
3.2	Kinh phí sự nghiệp ngành cấp bổ sung	2.641	2.547,0	96,4%	
4	Chi bảo đảm xã hội	202	202	100%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí tặng quà Tết Thầy thuốc ưu tú, thầy thuốc nhân dân)	202	202		
5	Chi Chương trình mục tiêu				